

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1313/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 tháng 9 năm 2025, 24 tháng 9 năm 2025 và 30 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 –Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2286/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là ông A, sinh năm 1981, căn cước công dân: 087081000073; địa chỉ: S, phường NL, Thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn đề nghị vắng mặt);

2. Bị đơn là bà B, sinh năm 1987, căn cước công dân: 079187017307; địa chỉ: D, phường GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ông A và bà B kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có một con chung tên: C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Năm 2015, đôi bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà B đã chủ động dọn về sống cùng mẹ ruột khi mang thai con và từ đó đến nay đã gần 10 năm, mặc dù ông đã chủ động nhiều lần liên lạc, thăm hỏi với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà B vẫn không chấp nhận. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con: Trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông A và bà B có một con chung tên: C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2015. Hiện trẻ đang sống cùng bà B. Nay ông đồng ý giao trẻ C cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu. Về phía bị đơn bà B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, ban hành Thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xử lý đơn kiện, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196, khoản 2 Điều 191, Điều 205, khoản 2 Điều 220, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục phiên tòa sơ thẩm

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A; về con chung: Giao trẻ C cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hàng tháng ông A cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà B đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A yêu cầu được ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hay có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện bà B không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông A, như vậy thực chất hôn nhân giữa đôi bên đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3.2] Về con: Ông A và bà B chung sống có một con chung tên C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2015. Theo ông A trình bày trẻ hiện đang sống cùng bà B và ông đồng ý giao trẻ cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ lời trình bày của trẻ C tại bản tự khai ngày 23 tháng 9 năm 2025 thể hiện trẻ mong muốn sống cùng mẹ là bà B. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định môi trường sống cũng như phát triển toàn diện của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao trẻ C cho bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn:* Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Ông A được ly hôn với bà B.

2. *Về con:* Bà B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ C, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông A mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà B có đơn yêu cầu thi hành án, ông A chưa thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054157 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 -Thành phố Hồ Chí Minh; ông A còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

5. *Quyền kháng cáo:* Ông A và bà Dương Hoàng Gia Anh vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5,TPHCM;
- Phòng Thi hành án DS kkhv 5-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phượng

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng

